

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc  
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LAI CHÂU	
<b>ĐẾN</b>	Số: 1754
	Ngày: 22/9/20
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết số 329/QĐ-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về nguyên tắc và thứ tự thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch các dự án điện;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

- Xét đề nghị của UBND tỉnh Lai Châu tại các Văn bản:

+ Số 2146/UBND-CN ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Phai Cát;

+ Số 2310/UBND-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Nùng Than 1 và Nùng Than 2;

+ Số 2943/UBND-KTN ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Bum Nưa;

+ Số 879/UBND-KTN ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nà An;

- Trên cơ sở các Báo cáo bổ sung quy hoạch các DATĐ do cơ quan Tư vấn chuyên ngành lập theo quy định gồm:

+ Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Phai Cát do Công ty Cổ phần Tư vấn năng lượng sạch lập năm 2018;

+ Báo cáo bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Nùng Than 1, Nùng Than 2 do Viện Công nghệ Năng lượng lập năm 2019;

+ Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Bum Nura do Công ty Cổ phần Tư vấn điện và Xây dựng Đông Á lập năm 2018;

+ Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nà An do Công ty Cổ phần Tư vấn năng lượng sạch lập năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung 05 Dự án thủy điện nhỏ với tổng công suất 82,8 MW vào Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Vị trí xây dựng công trình, nhiệm vụ, sơ đồ khai thác và các thông số chính của các Dự án thủy điện được bổ sung quy hoạch ghi tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Việc đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện tại Điều 1 của Quyết định này phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: Phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên, phát triển điện lực. Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định có liên quan khác.

**Điều 3.** Trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình các Dự án thủy điện nêu trên, UBND tỉnh Lai Châu chỉ đạo Chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn và các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện điều tra, khảo sát bổ sung, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên khu vực dự án (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế - xã hội...);

- Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác quy mô mực nước dâng bình thường (MNDBT), mực nước chết (MNC), công suất lắp máy ( $N_{lm}$ ), điện lượng trung bình năm ( $E_0$ ) và phương án thiết kế các hạng mục công trình có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn ổn định và giảm thiểu tác động đối với môi trường - xã hội;

- Đánh giá kỹ và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đối với môi trường - xã hội. Trong đó, phải lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các phương án về: Trồng rừng thay thế, đảm bảo duy trì dòng

chảy tối thiểu phía hạ lưu đập, đảm bảo xả đủ cho cấp nước thủy lợi và sinh hoạt theo quy định;

- Rà soát, đánh giá kỹ quy hoạch đất rừng các loại và hiện trạng đất rừng của tỉnh, trên cơ sở đó xác định chính xác diện tích chiếm đất các loại của các dự án thủy điện nêu trên để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Trước khi quyết định chủ trương đầu tư, đề nghị rà soát kỹ diện tích chiếm đất trồng lúa của các Dự án để trình cấp có thẩm quyền xem xét cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định;

- Trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các nhà máy thủy điện phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liền kề phía thượng và hạ lưu, không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa và các quy hoạch khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

- Tiến độ thực hiện các Dự án phải phù hợp với tiến độ xây dựng lưới điện truyền tải trong khu vực.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Lai Châu, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ đầu tư các dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ĐL.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Hoàng Quốc Vượng**

**Phụ lục: Thông số chính của các Dự án thủy điện được bổ sung vào Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Lai Châu**  
*(Ban hành theo Quyết định số: 2 4 6 8 /QĐ-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương)*

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
1. Thủy điện Phai Cát	+ Tuyến đập: 22°32'52,8" VĐB - 103°21'55,66" KĐĐ + Nhà máy: 22°32'23,29" VĐB - 103°19'14,46" KĐĐ	Suối Nậm Lụm (nhánh cấp I của suối Nậm So), suối Nậm So (nhánh cấp I của sông Nậm Na - nhánh cấp II của sông Đà)	Xã Không Lào và thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Nậm Lụm, tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ phải suối Nậm Lụm và suối Nậm So, nhà máy kiểu hở nằm bên bờ phải suối Nậm So xả nước trở lại suối Nậm So.	$F_{lv} = 182,8 \text{ km}^2$ $MNDBT = 347,5 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 267,93 \text{ m}$ $N_{lm} = 18 \text{ MW}$ $E_o = 61,14 \text{ triệu kWh}$
2. Thủy điện Nùng Than 1	+ Tuyến đập : 22°40'45,47" VĐB - 103°17'5,76" KĐĐ + Nhà máy: 22°37'0,95" VĐB - 103°14'9,45" KĐĐ	Suối Thèn Thèo Hộ (nhánh cấp I sông Nậm Cúm – nhánh cấp II của sông Nậm Na) và suối Ma Pho (nhánh cấp I của sông Nậm Na)	Xã Vàng Ma Chải, Mù Sang và Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn trên suối Thèn Thèo Hộ, tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ trái suối Thèn Thèo Hộ và nhà máy thủy điện kiểu hở bên bờ trái suối Ma Pho, xả nước ra suối Ma Pho.	$F_{lv} = 98 \text{ km}^2$ $MNDBT = 594 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 350 \text{ m}$ $N_{lm} = 30 \text{ MW}$ $E_o = 103,02 \text{ triệu kWh}$



Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
3. Thủy điện Nùng Than 2	+ Tuyến đập : 22°36'55,23" VĐB - 103°14'9,83" KĐĐ + Nhà máy: 22°36'28,08" VĐB - 103°13'57,07" KĐĐ	Suối Ma Pho (nhánh cấp I của sông Nậm Na) và sông Nậm Na (nhánh cấp I của sông Đà)	Xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn trên suối Ma Pho, tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ phải suối Ma Pho và nhà máy thủy điện kiểu hở bố trí bên bờ trái sông Nậm Na, xả nước ra sông Nậm Na.	$F_{lv} = 109 \text{ km}^2$ $MNDBT = 350 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 286 \text{ m}$ $N_{lm} = 8,6 \text{ MW}$ $E_o = 29,41 \text{ triệu kWh}$
4. Thủy điện Bum Nưa	+ Tuyến đập: 22°22'56" VĐB - 102°53'28" KĐĐ + Nhà máy: 22°22'06" VĐB - 102°50'45" KĐĐ	Suối Nậm Bum (nhánh cấp I của sông Đà)	Xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn trên suối Nậm Bum; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ trái suối Nậm Bum và nhà máy kiểu hở xả nước trở lại suối Nậm Bum.	$F_{lv} = 142 \text{ km}^2$ $MNDBT = 368,25 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 295,7 \text{ m}$ $N_{lm} = 16 \text{ MW}$ $E_o = 52,96 \text{ triệu kWh}$
5. Thủy điện Nà An	+ Tuyến đập: 22°13'24,62" VĐB - 103°40'56,76" KĐĐ + Nhà máy: 22°12'44,9" VĐB - 103°41'28,4" KĐĐ	Sông Nậm Mu (nhánh cấp I sông Đà)	Xã Bản Bo, huyện Tam Đường và xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn trên sông Nậm Mu, tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ trái sông Nậm Mu và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước trở lại sông Nậm Mu.	$F_{lv} = 700 \text{ km}^2$ $MNDBT = 530 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 516,7 \text{ m}$ $N_{lm} = 10,2 \text{ MW}$ $E_o = 32,61 \text{ triệu kWh}$

**Ghi chú:**  $F_{lv}$ : Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập;  $MNDBT$ : Mức nước dâng bình thường;  $MNHL_{min}$ : Mức nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất;  $N_{lm}$ : Công suất lắp máy;  $E_o$ : Điện lượng bình quân năm.